

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/01/2022  
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Hồng Đ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đăng Thiện
2. Ông Nguyễn Văn Sâm

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1982; có mặt.

Nơi ĐKKHKT: thôn 3, xã X, huyện T, T.

*- Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; có mặt.

Trú tại: thôn 3, xã X, huyện T, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H qua tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh B vào ngày 17/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay anh xác định không

còn tình cảm và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh Đ xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/2008 và cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012, hiện tại các con đang ở với anh chị. Quan điểm của anh là xin được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên quan điểm.

Về tài sản và công nợ: anh Đ xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B vào ngày 17/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tình cảm B thường, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng do anh Đ ham mê cờ bạc, trai gái, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ với điều kiện là chị được nuôi con.

Về con chung: chị H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/2008 và cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012, hiện tại các con đang ở với anh chị. Quan điểm của chị là đồng ý ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho cả 02 cháu mỗi tháng 3.000.000 triệu đồng.

Về tài sản và công nợ: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/12/2021, cháu Đỗ Thị Ngọc H trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Tại Bản tự khai ngày 10/12/2021, cháu Đỗ Thanh B trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 13/12/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 3, xã X, huyện T, T. Quá trình vợ chồng chung sống đã có 02 con chung là cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/2008 và cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm được do gia đình chưa đề nghị UBND xã hòa giải lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đỗ Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên giao cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/2008 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều a khoản 1 Điều 24; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX tuyên anh Đỗ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đỗ Văn Đ khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Đỗ Thị H, cư trú tại: thôn 3, xã X, huyện T, tỉnh T; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2008, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong sinh hoạt, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn; Tại phiên tòa anh Đ, chị H vẫn muốn được ly hôn. Anh Đ xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho cả 02 con.

Từ những pH tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không còn có thể hàn gắn được, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, giải quyết cho anh Đỗ Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

[3] Về con chung: Cả anh Đ và chị H đều muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, xét nguyện vọng của anh Đ và chị H thì thấy rằng: Việc giao cháu H cho anh Đ

trực tiếp nuôi dưỡng sẽ hợp lý hơn vì anh có nhiều thời gian trong khi cháu H đang ở độ tuổi chuẩn bị phát triển về tâm sinh lý, cần có người Bố hoặc mẹ quan tâm chăm sóc, bảo ban thường xuyên, trong khi chị H thường xuyên đi làm xa nhà nên việc giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ hợp lý vì cháu đã lớn tự chăm lo được cho bản thân. Vì vậy giao 01 con chung là cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Đỗ Thanh B sinh ngày 30/3/2008 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ và chị H có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về phần tài sản và công nợ: anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: anh Đỗ Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Văn Đ. Anh Đỗ Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

2. *Về con chung*: Anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/2008 và cháu Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012.

Giao con chung là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 30/12/2012 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đỗ Thanh B, sinh ngày 30/3/chị Đỗ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Đỗ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp, theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006558 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Hồng Đ**

Anh Đỗ Văn Đ và chị Đỗ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Đỗ Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp, theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006558 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NH DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Thiện**

**Nguyễn Văn Sâm**

**Cao Hồng Đ**

